

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/DS-ST
Ngày: 23-4-2021
V/v tranh chấp về hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU - TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Tới;

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2020, về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP BĐ.

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà C, số A, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP BĐ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Đăng K - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP BĐ - Chi nhánh Tây Ninh.

Đại diện theo ủy quyền của ông K là ông Lê Thanh T - Chuyên viên khách hàng. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Công T, sinh năm: 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã trình bày:

Ngân hàng TMCP BD - Chi nhánh Tây Ninh (gọi tắt là Ngân hàng) có chính sách cho dân quân tự vệ ở các xã vay vốn. Ông Phạm Công T là dân quân tự vệ của xã L, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên ngày 27/6/2017 Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng số: HDTD5602017147 cho ông T vay số tiền là 40.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng; lãi suất cho vay trong hạn là 15%/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận là 10%/năm. Phương thức trả nợ là trả nợ gốc cố định, lãi theo dư nợ thực tế. Trong đó, 59 tháng đầu thì mỗi tháng trả gốc là 670.000 đồng, tháng cuối cùng trả 470.000 đồng. Kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 10/8/2017. Hình thức trả là người vay mỗi tháng sẽ chuyển tiền qua các bưu cục của bưu điện, số tiền dư nợ mỗi tháng sẽ được hệ thống báo qua số điện thoại của người vay đã đăng ký. Ông T đã đóng tiền gốc, lãi đầy đủ đến ngày 10/4/2018. Bắt đầu từ ngày 10/5/2018 thì ông T đóng tiền gốc, lãi trễ hạn, không đúng theo thỏa thuận ban đầu, nhưng vẫn tiếp tục đóng cho đến tháng 4/2020. Sau đó đến ngày 12/3/2021 ông T đã nộp số tiền là 850.000 đồng, hệ thống đã trừ số tiền trên sang nợ tháng 5/2020, gốc là 670.000 đồng, tiền lãi là 237.241 đồng, còn lại 264.919 đồng trừ sang tiền nợ gốc của tháng 6/2020. Đến nay ông T vẫn chưa thanh toán hết nợ cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu nhiều lần. Xét thấy, ông T đã vi phạm nội dung Hợp đồng tín dụng số: HDTD5602017147. Do đó, Ngân hàng chấm dứt hợp đồng nêu trên với ông T, đồng thời yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 23 tháng 4 năm 2021 số tiền gốc là 16.955.081 đồng và tiền lãi trong hạn 1.873.497 đồng, lãi phạt quá hạn 102.336 đồng (tính trên tiền lãi trong hạn); phạt gốc quá hạn 894.309 đồng (tính trên tiền gốc quá hạn 6.618.758 đồng). Tổng cộng 19.825.223 đồng (làm tròn số 19.825.000 đồng) và yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi theo hợp đồng đến khi trả nợ xong.

Bị đơn – ông Phạm Công T đã khai:

Ông T thừa nhận ngày 27/6/2017 có ký Hợp đồng tín dụng số: HDTD5602017147 với Ngân hàng để vay số tiền 40.000.000 đồng nhằm phục vụ đời sống, thời hạn vay là 60 tháng; lãi suất cho vay trong hạn là 15%/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận là 10%/năm. Sau khi vay thì ông trả tiền gốc và tiền lãi đầy đủ đến thời điểm nào thì không nhớ chính xác nhưng sau đó do hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn nên ông trả tiền gốc, tiền lãi không đúng thời hạn. Việc trả tiền gốc và tiền lãi thông qua tại các bưu cục của bưu điện. Ông nhớ lần gần nhất ông đóng số tiền 850.000 đồng là vào ngày 12/3/2021. Tại biên bản làm việc ngày 15/3/2021 ông nhớ rằng còn nợ Ngân hàng số tiền gốc khoảng 11.800.000 đồng nhưng sau đó ông được xem sao kê lịch trả nợ thì ông xác định số tiền gốc còn nợ là 16.955.081 đồng; nợ tiền lãi tính đến ngày 07/4/2021 là 2.705.943 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ nêu trên thì ông chấp nhận nhưng đề nghị Ngân hàng xem xét cho tiếp tục thực hiện hợp đồng cho đến khi hết thời hạn.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Tuy nhiên, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát vi phạm khoản 2 Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Phạm Công T.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông Phạm Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP BD - Chi nhánh Tây Ninh khởi kiện ông Phạm Công T về tranh chấp hợp đồng tín dụng, ông T có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý giải quyết là đúng quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết, đại diện của nguyên đơn và ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt là đúng qui định.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đối với ông Phạm Công T, thấy rằng: Ông T thừa nhận ngày 27/6/2017 có ký Hợp đồng tín dụng số: HDTD5602017147 với Ngân hàng để vay số tiền là 40.000.000 đồng phục vụ đời sống, thời hạn vay là 60 tháng; lãi suất cho vay trong hạn là 15%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận là 10%/năm. Sau khi vay thì ông T trả tiền gốc, tiền lãi không đầy đủ và không đúng thời hạn theo thỏa thuận là vi phạm nội dung tại Mục số 14 trong hợp đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu chấm dứt hợp đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu trả tiền gốc, tiền lãi và phạt lãi của Ngân hàng đối với ông T thì thấy rằng: Hợp đồng giữa các bên ký kết là hợp pháp về hình thức, nội dung và lãi suất. Bởi vì, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Quá trình làm việc, ông T thừa nhận sau khi vay không trả tiền gốc và tiền lãi đúng theo hợp đồng và xác định còn nợ tiền gốc và tiền lãi như Ngân hàng yêu cầu. Do đó, đây là sự kiện có thật không phải chứng minh được qui định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên có cơ sở xác định ông T còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 23 tháng 4 năm 2021 số tiền gốc là 16.955.081 đồng và tiền lãi trong hạn 1.873.497 đồng, lãi phạt quá hạn 102.336 đồng; phạt gốc

quá hạn 894.309 đồng, tổng cộng 19.825.000 đồng. Do đó, cần buộc ông T có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng là có căn cứ.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông T là có căn cứ.

[4]. Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP BD - Chi nhánh Tây Ninh đối với ông Phạm Công T. Buộc ông Phạm Công T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP BD - Chi nhánh Tây Ninh số tiền còn nợ tính đến ngày 23 tháng 4 năm 2021, trong đó, nợ gốc 16.955.081 đồng và lãi trong hạn 1.873.497 đồng, lãi phạt quá hạn 102.336 đồng; phạt gốc quá hạn 894.309 đồng. Tổng cộng 19.825.000 (mười chín triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn) đồng và tiền lãi theo hợp đồng đến khi trả nợ xong.

Kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2021 nếu ông Phạm Công T chưa thanh toán số tiền nêu trên cho Ngân hàng TMCP BD - Chi nhánh Tây Ninh thì ông Phạm Công T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất của Hợp đồng tín dụng số: HDTD5602017147 ngày 27 tháng 6 năm 2017 cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí: Ông Phạm Công T phải chịu 991.000 (chín trăm chín mươi một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP BD - Chi nhánh Tây Ninh số tiền 587.000 (năm trăm tám mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai số: 0014598 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Ngân hàng TMCP BD - Chi nhánh Tây Ninh và ông Phạm Công T được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trang Thái Châu